**PHỤ LỤC MẪU VĂN BẢN DÀNH CHO NGƯỜI SỬ DỤNG LAO ĐỘNG**

**MẪU SỐ 1**

**Danh sách người lao động tham gia đào tạo để gửi cơ quan bảo hiểm
đề nghị xác nhận đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp**

*(Theo hướng dẫn tại Công văn số 1988/BHXH-TST ngày 8/7/2021)*

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |

**DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA ĐÀO TẠO**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ ĐƠN VỊ**

1. Tên đơn vị: ................................................................................................

2. Mã số đơn vị: .............................................................................................

3. Địa chỉ: .......................................................................................................

**II. DANH SÁCH NGƯỜI LAO ĐỘNG THAM GIA ĐÀO TẠO**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Ngày tháng năm sinh** | **Loại hợp đồng lao động** | **Thời điểm bắt đầu thực hiện HĐLĐ** | **Số sổ bảo hiểm** | **Ngành nghề đào tạo** | **Cơ sở đào tạo** | **Thời điểm bắt đầu đào tạo** | **Thời điểm kết thúc đào tạo** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **Cộng** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

*\* Lưu ý: Đơn vị đề nghị hỗ trợ đóng dấu treo vào góc trên bên trái trùm lên tên đơn vị hỗ trợ*

**MẪU SỐ 2**

**Mẫu văn bản đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*........, ngày ...... tháng ..... năm ......* |

**ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ
KỸ NĂNG NGHỀ ĐỂ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Kính gửi: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh/thành phố …….

**I. Thông tin đơn vị sử dụng lao động**

Tên đơn vị…………………...…………… Tên viết tắt…………………..

Tên giao dịch quốc tế (nếu có)……………… Mã số kinh doanh…………

Trụ sở chính ………………………………………………………………

Điện thoại………………………………Fax ………….………………….

Người đại diện………………………….. Số tài khoản …………………..

Tại Ngân hàng:……………………………………………………………..

Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh:……………..……………

……………………………………………………………………………..

Số lao động tại thời điểm đề nghị hỗ trợ (không kể lao động có thời hạn dưới 01 tháng): …………………………………………………………………..

Nguyên nhân buộc phải thay đổi cơ cấu hoặc công nghệ sản xuất, kinh doanh: ……………………………………………………………………………

*(Có báo cáo chi tiết kèm theo)*

**II. Tình hình sản xuất, kinh doanh**

- Doanh thu quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ:…………………

- Doanh thu của quý cùng kỳ quý liền trước thời điểm đề nghị hỗ trợ *(quý cùng kỳ của năm 2019 hoặc năm 2020):*…………………………………………

- So doanh thu của quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ với doanh thu của quý cùng kỳ năm 2019 hoặc năm 2020:………. (*giảm bao nhiêu %).*

**III. Nhu cầu hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

- Số lao động cần đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm:

- Nhu cầu kinh phí để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động: ……………………… đồng *(số tiền viết bằng chữ:……………………………)*

………..*(tên đơn vị sử dụng lao động)* cam đoan nội dung ghi trên là hoàn toàn đúng sự thật. Trường hợp được hỗ trợ kinh phí, đơn vị sẽ thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo đúng phương án đã xây dựng trong hồ sơ đề nghị của đơn vị./.

 **CHỨC DANH NGƯỜI ĐỀ NGHỊ** *(Người đại diện ký tên, đóng dấu)*

**MẪU SỐ 3**

**Mẫu báo cáo về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*........, ngày ...... tháng ..... năm ......* |

**BÁO CÁO**

**Về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ**

*(Kèm theo Đơn đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng
ngày tháng năm của …….)*

**I. Thông tin chung**

1. Tên đơn vị: ....................................................................................................

2. Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: ..........................................

3. Tổng số lao động: ………………………………………………………….

4. Cơ cấu tổ chức lao động: ..............................................................................

**II. Giải trình về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ**

**1. Nội dung thay đổi (đánh dấu 🗸 vào nội dung có thay đổi)**

|  |  |
| --- | --- |
| *(1)* *Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động* | □ |
| *(2)* *Thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh gắn với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh* | □ |
| *(3)* *Thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm*  | □ |

**2. Giải trình cụ thể nội dung thay đổi**

***2.1. Thực trạng về cơ cấu, công nghệ trước khi thay đổi (tính đến thời điểm đề nghị)***

*(Phần này cần trình bày rõ thực trạng về cơ cấu, công nghệ của doanh nghiệp (cơ cấu các đơn vị, phòng ban, tổ đội sản xuất...... của doanh nghiệp; số lượng lao động trực tiếp, lao động quản lý ở từng lĩnh vực...; ngành nghề, lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, sản phẩm, mặt hàng, sản phẩm chính.....; các công nghệ, máy móc, thiết bị chính đang sử dụng trong doanh nghiệp …. tính đến thời điểm đề nghị)*

………………………………………………………………………………

***2.2. Thực trạng các nội dung cơ cấu, công nghệ đã thay đổi (so với thời điểm 1/7/2021)***

*(Diễn giải chi tiết việc thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động hoặc thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh gắn với ngành, nghề sản xuất, kinh doanh hoặc thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm hoặc phải tất cả các yếu tố trên do dảnh hưởng của đại dịch COVID-19; làm rõ sự thay đổi tính đến thời điểm đề nghị, kèm theo hồ sơ minh chứng về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ ví dụ như: hợp đồng/hóa đơn tài chính về việc mua sắm thiết bị, chuyển giao công nghệ,…)*

………………………………………………………………………………

Chúng tôi cam kết báo cáo nêu trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

|  |  |
| --- | --- |
|   | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ***(Ký tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 4**

**Mẫu phương án đào tạo, bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ HỖ TRỢ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *...., ngày tháng năm ......* |

**PHƯƠNG ÁN ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG, NÂNG CAO TRÌNH ĐỘ**

**KỸ NĂNG NGHỀ VÀ DUY TRÌ VIỆC LÀM CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ....................... |

**I. Thông tin chung về đơn vị**

1. Tên đơn vị: ....................................................................................................

2. Địa chỉ đơn vị: .............................................................................................

3. Mã đơn vị (nếu có): ……………………………………………………….

4. Ngày tháng năm thành lập:…………………………………………………

5. Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: ..........................................

6. Người đại diện: ............................................................................................

**II. Danh sách lao động đào tạo, bồi dưỡng**

Tổng số: ...................................................(có danh sách kèm theo)

**III. Cơ sở đào tạo**

1. Tên cơ sở đào tạo: .......................................................................................

2. Địa chỉ (trụ sở chính): .................................................................................

3. Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN: Số, ngày tháng năm cấp

...........................................................................................................................

4. Loại hình sở hữu:

- Cơ sở đào tạo của NSDLĐ: □

- Liên kết đào tạo:  □

**IV. Hình thức tổ chức và thời gian đào tạo**

1. Hình thức tổ chức

- Đào tạo tại cơ sở GDNN: □

- Đào tạo tại doanh nghiệp: □

- Đào tạo kết hợp cả hai hình thức trên: □

2. Dự kiến thời gian đào tạo:

- Thời gian khai giảng: .........................................................................

- Thời gian bế giảng: ...............................................................................

(Có chương trình đào tạo kèm theo)

**V. Phương án duy trì việc làm cho người lao động sau khi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề**

1. Số lao động được tiếp tục làm việc hoặc thay đổi vị trí việc làm phù hợp với phương án chuyển đổi công nghệ sản xuất kinh doanh:

............................................................................................................................

2. Cam kết của người sử dụng lao động về việc sử dụng lao động theo đúng phương án (nếu người lao động không được bố trí việc làm thì người sử dụng lao động sẽ phải hoàn trả toàn bộ kinh phí hỗ trợ bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề).

............................................................................................................................

**VI. Dự toán chi tiết kinh phí thực hiện**

..........................................................................................................................

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ**

*(Người đại diện ký, đóng dấu)*

**MẪU SỐ 5**

**Phụ lục 2**

**MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

*(Kèm theo Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động ngày tháng năm 2021 của …….)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *...., ngày tháng năm ......* |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

**TRÌNH ĐỘ SƠ CẤP**

**I. Thông tin chung về chương trình**

1. Tên nghề đào tạo:

2. Đối tượng tuyển sinh, yêu cầu đầu vào:

3. Mục tiêu đào tạo:

…………………………………………………………………………………

4. Danh mục số lượng, thời lượng các mô - đun:

…………………………………………………………………………………

5. Khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề, các kỹ năng cần thiết khác, năng lực tự chủ và trách nhiệm (chuẩn đầu ra)

………………………………………………………………………………….

6. Thời gian khóa học, bao gồm:

- Tổng thời gian toàn khóa:

- Thời gian thực học:

+ Thời gian học lý thuyết:

+ Thời gian thực hành, thực tập, thời gian ôn, kiểm tra hoặc thi kết thúc mô - đun, khóa học (trong đó thời gian thực hành, thực tập tối thiểu chiếm từ 70% thời gian thực học).

7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

………………………………………………………………………………..

8. Phương pháp và thang điểm đánh giá

………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO***(Ký tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 6**

**Phụ lục 3**

**MẪU CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ**

*(Kèm theo Phương án đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động ngày tháng năm 2021 của …….)*

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN**TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *...., ngày tháng năm ......* |

**CHƯƠNG TRÌNH**

**ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG NGHỀ**

1. Tên chương trình đào tạo: ………………………………………………….

2. Mục tiêu đào tạo:

- Kiến thức:

…………………………………………………………………………………

- Kỹ năng:

…………………………………………………………………………………

- Thái độ:

…………………………………………………………………………………

3. Khối lượng kiến thức, kỹ năng nghề cần đạt

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung đào tạo** | **Thời gian đào tạo (giờ)** |
| **Lý thuyết** | **Thực hành, thực tập** | **Kiểm tra** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |
|   |   |   |   |   |
|   |  Cộng |   |   |   |

5. Quy trình đào tạo, điều kiện hoàn thành khóa học

- Quy trình đào tạo:

………………………………………………………………………………..

- Điều kiện hoàn thành khóa học:

…………………………………………………………………………………

6. Phương pháp và thang điểm đánh giá:

- Phương pháp đánh giá:

…………………………………………………………………………………

- Thang điểm đánh giá:

…………………………………………………………………………………

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO***(Ký tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 7**

**Báo cáo về điều kiện bảo đảm cho hoạt động đào tạo**

|  |  |
| --- | --- |
| TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |  **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*........, ngày ...... tháng ..... năm ......* |

**BÁO CÁO**

**Về các điều kiện bảo đảm cho việc đào tạo, bồi dưỡng**

**I. Thông tin chung**

1. Tên đơn vị: ....................................................................................................

2. Địa chỉ: …………………………………………………………………….

3. Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: ..........................................

**II. Các điều kiện bảo đảm cho việc đào tạo, bồi dưỡng**

**1. Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo do cơ sở GDNN xây dựng/lựa chọn theo quy định (có chương trình cụ thể kèm theo)

**2. Cơ sở, vật chất, thiết bị đào tạo**

Cơ sở GDNN/doanh nghiệp có đầy đủ cơ sở vật chất, thiết bị bảo đảm cho các nghề đào tạo, cụ thể: (trình bày theo từng nghề đào tạo)

- Nghề đào tạo thứ nhất:

………………………………………………………………………………..

- Nghề đào tạo thứ hai (nếu có):

………………………………………………………………………………..

**3. Người dạy**

- Nghề đào tạo thứ nhất:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Năng lực, trình độ; kinh nghiệm** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

- Nghề đào tạo thứ hai (nếu có):

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Họ và tên** | **Năm sinh** | **Năng lực, trình độ; kinh nghiệm** | **Ghi chú** |
|  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐÀO TẠO***(Ký tên và đóng dấu)* |

**MẪU SỐ 8**

**Mẫu hợp đồng liên kết đào tạo**

|  |
| --- |
| **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |

**HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

**Giữa**

 **(TÊN ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG)**

 **và**

 **(TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO)**

*\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_*

- Căn cứ Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ ....................................................................................................

- Căn cứ nhu cầu thực tiễn của .....................................................................

Hôm nay, ngày........tháng.........năm ........ tại ................, chúng tôi gồm:

**BÊN A: (Đơn vị sử dụng lao động)**

Người đại diện:...................................................Chức vụ............................

Địa chỉ: .......................................................................................................

Điện thoại: ..................................; Email:..........................................

Tài khoản: ................................. tại ............................................................

Mã số thuế:..................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (số, ngày, tháng, năm): ......................

**BÊN B: (Cơ sở giáo dục nghề nghiệp)**

Người đại diện:.........................................Chức vụ.........................................

Địa chỉ: ...........................................................................................................

Điện thoại: ................................; Email:...............................................

Tài khoản: ................................. tại ................................................................

Mã số thuế:......................................................................................................

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp (số, ngày, tháng năm): .....................................................................................................................

*Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đồng ý ký hợp đồng đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động với những điều khoản sau:*

**Điều 1. Nội dung hoạt động phối hợp đào tạo**

1. Tên nghề đào tạo:......................................................................

Trình độ đào tạo (ghi cụ thể) ..........................................................

Thời gian đào tạo............................................................................

Số lượng người được đào tạo: ......................................................

*(Có thể đào tạo nhiều nghề, nhiều lớp, nhiều thời gian khác nhau)*

2. Kế hoạch và tiến độ đào tạo:

- Địa điểm và thời gian đào tạo: ...................................................

- Tiến độ đào tạo:..........................................................................

*(Có kế hoạch, tiến độ đào tạo chi tiết của từng lớp kèm theo)*

3. Chương trình đào tạo: (Do cơ sở đào tạo xây dựng hoặc do cơ sở đào tạo và đơn vị sử dụng lao động phối hợp xây dựng)

**Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán**

1. Giá trị hợp đồng:.......................................................................................

2. Phương thức thanh toán:............................................................................

**Điều 3. Quyền và trách nhiệm của các bên**

1. Quyền và trách nhiệm của (đơn vị sử dụng lao động)

.....................................................................................................................

2. Quyền và trách nhiệm của (cơ sở giáo dục nghề nghiệp)

.......................................................................................................................

**Điều 4. Điều khoản chung, hiệu lực Hợp đồng**

.......................................................................................................................

|  |  |
| --- | --- |
| **ĐẠI DIỆN BÊN B** | **ĐẠI DIỆN BÊN A** |

**MẪU SỐ 9**

**Mẫu báo cáo tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc**  |
|  | *...., ngày tháng năm ......* |

**BÁO CÁO**

**Về việc tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao
trình độ kỹ năng cho người lao động**

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Sở Lao động - Thương binh và Xã hội ....................... |

**I. Thông tin chung về đơn vị báo cáo**

1. Tên đơn vị: ....................................................................................................

2. Địa chỉ đơn vị: .............................................................................................

3. Mã đơn vị (nếu có): ……………………………………………………….

4. Ngày tháng năm thành lập:…………………………………………………

5. Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: ..........................................

6. Người đại diện: ............................................................................................

**II. Tình hình đào tạo, bồi dưỡng**

Tính đến thời điểm hiện nay (ngày 20 hàng tháng), tình hình tổ chức đào tạo, bồi dưỡng tại (đơn vị sử dụng lao động ….) như sau:

1. Tên cơ sở đào tạo hoặc liên kết đào tạo: …………………………………..

- Địa chỉ: ……………………………………………………………………..

- Đang thực hiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cụ thể:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề đào tạo** | **Trình độ đào tạo** | **Tổng số lớp học** | **Tổng số học viên/nghề** | **Thời điểm bắt đầu** | **Thời điểm kết thúc** | **Số học viên nghỉ/thôi học** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Tình hình tổ chức đào tạo: …………………………………………………..

2. Tên cơ sở đào tạo hoặc liên kết đào tạo 2 (nếu có): ……………………….

- Địa chỉ: ……………………………………………………………………..

- Đang thực hiện tổ chức đào tạo, bồi dưỡng như sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên nghề đào tạo** | **Trình độ đào tạo** | **Tổng số lớp học** | **Tổng số học viên/nghề** | **Thời điểm bắt đầu** | **Thời điểm kết thúc** | **Số học viên nghỉ/thôi học** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 2 |  |  |  |  |  |  |  |  |

- Tình hình tổ chức đào tạo: …………………………………………………..

**III. Những khó khăn, vướng mắc và kiến nghị, đề xuất**

*(Nêu cụ thể những phát sinh, khó khăn, vướng mắc trong triển khai và những đề xuất, kiến nghị nếu có)*

………………………………………………………………………………..

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ***(Ký tên và đóng dấu)* |

**PHỤ LỤC MẪU CÔNG VỤ, VĂN BẢN DÀNH CHO SỞ LĐTBXH**

**MẪU SỐ 10**

**Mẫu kiểm đánh giá, xác nhận hồ sơ**

**KIỂM, NHẬN HỒ SƠ**

**Đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề**

**cho người lao động**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Tên loại văn bản** | **Xác nhận** | **Đánh giá sơ bộ** | **Ghi chú** |
| **Có** | **Không** | **Đạt** | **Không** |
| 1 | Văn bản đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng |  |  |  |  |  |
| 2 | Văn bản xác nhận đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp  |  |  |  |  |  |
| 3 | Văn bản báo cáo về việc thay đổi cơ cấu, công nghệ |  |  |  |  |  |
| 4 | Phương án đào tạo, bồi dưỡng |  |  |  |  |  |
| 5 | Danh sách người lao động tham gia đào tạo |  |  |  |  |  |
| 6 | Chương trình đào tạo |  |  |  |  |  |
| - | Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp (nếu có đào tạo SC); |  |  |  |  |  |
| - | Chương trình đào tạo, bồi dưỡng KNN (không phải chương trình SC); |  |  |  |  |  |
| 7 | Hợp đồng liên kết đào tạo *(chỉ áp dụng trong trường hợp liên kết đào tạo)* |  |  |  |  |  |
| 8 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN |  |  |  |  |  |
| 9 | Các văn bản giấy tờ khác gồm:…………………………… |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***NGƯỜI NHẬN HỒ SƠ***(Ký ghi rõ họ và tên)* |

**MẪU SỐ 11**

**Mẫu kiểm đánh giá các điều kiện theo quy định**

**ĐÁNH GIÁ VIỆC ĐÁP ỨNG CÁC ĐIỀU KIỆN**

**Theo hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng của NSDLĐ**

*(Kèm theo Tờ trình lãnh đạo Sở LĐTBXH phê duyệt hỗ trợ hay
trình văn bản trả lời về việc không hỗ trợ)*

**I. Thông tin chung về hồ sơ**

1. Tên đơn vị: ....................................................................................................

2. Địa chỉ đơn vị: .............................................................................................

3. Ngày tháng năm thành lập:…………………………………………………

4. Ngành nghề hoặc lĩnh vực sản xuất kinh doanh: ..........................................

5. Người đại diện: ............................................................................................

6. Thuộc đối tượng (theo hướng dẫn tại mục 2, Phần 1):……………………...

7. Thời gian nộp hồ sơ: ………………………………………………………

**II. Đánh giá các điều kiện**

| **TT** | **Điều kiện** | **Hồ sơ** | **Điều kiện** | **Lý do không đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Đạt** | **Không** | **Đạt** | **Không** |
| I | Đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động |  |  |  |  |  |
| II | Lý do thay đổi cơ cấu, công nghệ: |  |  |  |  |  |
| 1 | Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động |  |  |  |  |  |
| 2 | Thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị |  |  |  |  |  |
| 3 | Thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm |  |  |  |  |  |
| III | Có doanh thu giảm từ 10% trở lên  |  |  |  |  |  |
| IV | Có phương án hoặc phối hợp với cơ sở đào tạo để đào tạo, bồi dưỡng |  |  |  |  |  |
| 1 | Hợp đồng liên kết đào tạo *(chỉ áp dụng trong trường hợp liên kết đào tạo)* |  |  |  |  |  |
| 2 | Chương trình đào tạo |  |  |  |  |  |
| 3 | Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN của cơ sở đào tạo |  |  |  |  |  |
| 4 | Các hồ sơ, văn bản, tài liệu khác gồm: …………………………….. |  |  |  |  |  |

|  |  |
| --- | --- |
|  | *………., ngày ... tháng ... năm ..…...***ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ ĐÁNH GIÁ, THẨM ĐỊNH***(Ký ghi rõ họ và tên)* |

**MẪU SỐ 12**

**Mẫu quyết định phê duyệt hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ......******SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI …………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: ......../QĐ-LĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_…….., ngày ...... tháng …….. năm ….. |

# **QUYẾT ĐỊNH**

# **Về việc hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề**

# **để duy trì việc làm cho người lao động**

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật Việc làm năm 2013;*

*Căn cứ Quyết định số …./2021/QĐ-TTg ngày …/…/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ của ……………….. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Đề nghị hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động ngày …../……/……..của*(tên đơn vị đề nghị hỗ trợ) *……………………………………;*

*Theo đề nghị của………………………………………..*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Hỗ trợ (đơn vị đề nghị hỗ trợ) ……………………….. để thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, cụ thể như sau:

1. Phê duyệt Phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động (kèm theo).

2. Tổng số người lao động được hỗ trợ: …………… người;

3. Tổng số tiền được hỗ trợ:…………đồng

(bằng chữ ……….……...……………).

Số tài khoản ………………….. Tại Ngân hàng:…………………………

**Điều 2.** ………… (*đơn vị đề nghị hỗ trợ*) có trách nhiệm tổ chức thực hiện đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề và duy trì việc làm cho người lao động theo phương án được phê duyệt.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố; Thủ trưởng cơ sở giáo dục nghề nghiệp (nếu có) và …. (đơn vị đề nghị hỗ trợ)  chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như Điều 4;- Lưu: VT, …. | **GIÁM ĐỐC**(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên) |

**MẪU SỐ 13**

**Mẫu văn bản trả lời về việc NSDLĐ không đủ điều kiện hỗ trợ**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ......******SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI ……………\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_ |
| Số: ......../................**V/v trả lời hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động** | …….., ngày ...... tháng …….. năm ….. |

|  |  |
| --- | --- |
| Kính gửi: | Tên đơn vị sử dụng lao động ....................... |

Ngày …., Sở Lao động - Thương binh và Xã hội nhận được hồ sơ đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động của …….(đơn vị sử dụng lao động) theo Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện một số chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch COVID-19.

Sau khi xem xét, đánh giá hồ sơ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội thông báo người lao động của ……. (đơn vị sử dụng lao động) không đáp ứng được đối tượng, điều kiện theo quy định do:

- ……………………………………………….

- ………………………………………………..(nêu rõ các lý do).

Sở Lao động - Thương binh và Xã hội trân trọng thông báo./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như Điều 4;- Lưu: VT, …. | **GIÁM ĐỐC**(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên) |

**MẪU SỐ 14**

**Mẫu quyết định thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng**

|  |  |
| --- | --- |
| **UBND TỈNH/THÀNH PHỐ......******SỞ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH****VÀ XÃ HỘI\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_Số: ......../QĐ-LĐTBXH | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_…….., ngày ...... tháng …….. năm ….. |

# **QUYẾT ĐỊNH**

# **Về việc thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

**GIÁM ĐỐC SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI**

*Căn cứ Luật Việc làm năm 2013;*

*Căn cứ Quyết định số …./2021/QĐ-TTg ngày …/…/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người lao động và người sử dụng lao động gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;*

*Căn cứ của ……………….. quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội;*

*Căn cứ Quyết định số...../QĐ-LĐTBXH ngày....tháng....năm 20... của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về việc hỗ trợ kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động;*

*Căn cứ báo cáo hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động ngày ……../……/…….. của*(tên đơn vị đề nghị hỗ trợ) *……………………………………;*

*Theo đề nghị của………………………………………..*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động đối với:

Tên đơn vị được hỗ trợ ……………………………………………………

Tổng số kinh phí được hỗ trợ theo Quyết định số …………………….. ngày…/…./….là:……………....đồng *(bằng chữ:……………..…………………. )*

Số kinh phí hỗ trợ còn dư phải thu hồi:………………….… đồng (*bằng chữ ……….………………………………………………….……...).*

Lý do thu hồi………………………………………………………………

**Điều 2.** ……(Tên đơn vị) có trách nhiệm chuyển trả kinh phí cho Bảo hiểm xã hội…….. trước ngày………….

**Điều 3.** Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố ………………………… thực hiện thu hồi kinh phí hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động còn dư đã chi cho ............................ .................. (đơn vị được hỗ trợ).

**Điều 4.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 5.** Chánh Văn phòng Sở, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh/thành phố ……….. (đơn vị đề nghị hỗ trợ)  chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| **Nơi nhận:**- Như Điều 5;- Lưu: VT, …... | **GIÁM ĐỐC**(Ký, đóng dấu và ghi rõ họ tên) |

|  |
| --- |
| **MẪU 15** |
| **CHỈ TIÊU THEO DÕI, GIÁM SÁT CƠ SỞ/ĐƠN VỊ SỬ DỤNG LAO ĐỘNG, CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VÀ CƠ SỞ ĐÀO TẠO KHÁC THỰC HIỆN NQ 68 VÀ QĐ 23** |
| *(Ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TCGDNN ngày 03/8/2021**của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)* |
|  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Chỉ tiêu** | **ĐVT** | **Kết quả thực hiện** | **Ghi chú** |
| Trong kỳ báo cáo | Lũy kế đến TĐBC |
| **1** | **Phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động** | **Phương án** |  |  | Ghi số lượng |
| 1.1 | Do cơ sở/đơn vị sử dụng lao động tự đào tạo hoặc cơ sở đào tạo trực thuộc thực hiện | Phương án |   |   | Ghi số lượng |
| 1.2 |  Do cơ sở GDNN hoặc cơ sở đào tạo khác liên kết đào tạo với cơ sở/đơn vị sử dụng lao động thực hiện | Phương án |   |   | Ghi số lượng |
| 1.3 | Cơ sở/đơn vị sử dụng lao động vừa tự đào tạo vừa liên kết đào tạo | Phương án |   |   | Ghi số lượng |
| **2** | **Ký hợp đồng liên kết đào tạo giữa cơ sở/đơn vị sử dụng lao động với cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc cơ sở đào tạo khác** | **Hợp đồng** |  |  | Ghi số lượng |
| 2.1 | Số lượng hợp đồng liên kết đào tạo được ký kết | Hợp đồng |   |   | Ghi số lượng |
| 2.2 | Số doanh nghiệp ký kết | Doanh nghiệp |   |   | Ghi số lượng |
| 2.3 | Số cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp ký kết | Cơ sở  |   |   | Ghi số lượng |
| a | Trường cao đẳng | Trường |   |   | Ghi số lượng |
| b | Trường trung cấp | Trường |   |   | Ghi số lượng |
| c | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Trung tâm |   |   | Ghi số lượng |
| d | Cơ sở đào tạo khác | Cơ sở |   |   | Ghi số lượng |
| 2.4 | Số lượng người lao động của cơ sở/đơn vị sử dụng lao động |  Người |   |   | Ghi số lượng |
| 1 | Số lượng lao động của doanh nghiệp tại thời điểm đề nghị hỗ trợ | Người |   |   | Ghi số lượng |
| b | Số lượng người lao động đề nghị được đào tạo | Người |   |   | Ghi số lượng |
| 2.5 | Số lượng nghề đào tạo, trình độ đào tạo |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Nghề đào tạo trình độ sơ cấp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| b | Nghề đào tạo dưới 03 tháng | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| 2.6 | Chương trình đào tạo (theo số lượng nghề đào tạo) |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Do cơ sở giáo dục nghề nghiệp xây dựng và phê duyệt | Chương trình |   |   | Ghi số lượng |
| b | Do cơ sở giáo dục nghề nghiệp và đơn vị sử dụng lao động phối hợp xây dựng | Chương trình |   |   | Ghi số lượng |
| c | Lựa chọn chương trình đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác để phê duyệt và đưa vào sử dụng | Chương trình |   |   | Ghi số lượng |
| 2.7 | Địa điểm đào tạo |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Tại địa điểm đào tạo của cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (bao gồm các địa điểm được cấp GCNĐKHĐGDNN) | Địa điểm |   |   | Ghi số lượng |
| b | Tại cơ sở sản xuất của cơ sở/đơn vị sử dụng lao động | Địa điểm |   |   | Ghi số lượng |
| c | Địa điểm khác | Địa điểm |   |   | Ghi số lượng |
| 2.8 | Kinh phí đề nghị hỗ trợ | Tr.đồng |   |   | Ghi số lượng |
| **3** | **Kết quả đào tạo cho người lao động** |  |  |  | Ghi số lượng |
| 3.1.  | Về đối tượng đào tạo |  |  |  | Ghi số lượng |
| a | Do thay đổi cơ cấu tổ chức | Người |  |  | Ghi số lượng |
| b | Do thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh | Người |  |  | Ghi số lượng |
| c | Do thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm | Người |  |  | Ghi số lượng |
| 3.2 | Nghề đào tạo |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số nghề đào tạo trình độ sơ cấp được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường cao đẳng | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường trung cấp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Cơ sở đào tạo khác | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| b | Số nghề đào tạo trình độ sơ cấp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nhưng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp GCNĐKHĐGDNN |   |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường cao đẳng | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường trung cấp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Cơ sở đào tạo khác | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| c | Số nghề đào tạo trình độ sơ cấp không được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp, nhưng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không báo cáo với cơ quan có thẩm quyền cấp GCNĐKHĐGDNN |   |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường cao đẳng | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường trung cấp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| - | Doanh nghiệp | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| 3.3 | Đội ngũ giáo viên, người dạy nghề tham gia giảng dạy |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số lượng | Người |   |   | Ghi số lượng |
| - | Tỷ lệ học sinh/giáo viên (trình độ sơ cấp) | Học sinh/giáo viên |   |   |  |
| -  | Số người dạy/lớp (đào tạo dưới 3 tháng) | Người/lớp |   |   |   |
| b | Chất lượng |   |   |   |  |
| - | Đạt chuẩn về trình độ chuyên môn | Người |   |   | Ghi số lượng |
| -  | Không đạt chuẩn về trình độ chuyên môn |  Người |   |   | Ghi số lượng |
| - | Đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm/kỹ năng dạy học | Người |   |   | Ghi số lượng |
| - | Không đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm/kỹ năng dạy học |  Người |   |   | Ghi số lượng |
| - | Kỹ năng nghề, nghệ nhân,… | Người |   |   | Ghi số lượng |
| 3.4 | Cơ sở vật chất (số phòng học lý thuyết; phòng/xưởng/khu thực hành) tại địa điểm đào tạo | Phòng/xưởng |   |   | Ghi số lượng |
| 3.5 | Thiết bị, dụng cụ đào tạo | Nghề |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số nghề không bảo đảm thiết bị, dụng cụ đào tạo | Nghề |  |  | Ghi số lượng |
| b | Số nghề không bảo đảm thiết bị, dụng cụ đào tạo | Nghề |  |  | Ghi số lượng |
| 3.6 | Sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo (tính theo số lớp) |   |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số lớp có đủ sổ sách, biểu mẫu | Lớp |   |   | Ghi số lượng |
| b | Số lớp không có đủ sổ sách, biểu mẫu | Lớp |   |   | Ghi số lượng |
| 3.7 | Số lao động được đào tạo | Người |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số lao động được đào tạo tại cơ sở/đơn vị sử dụng lao động | Người |   |   | Ghi số lượng |
| b | Số lao động được đào tạo tại trường cao đẳng | Người |   |   | Ghi số lượng |
| c | Số lao động được đào tạo tại trường trung cấp | Người |   |   | Ghi số lượng |
| d | Số lao động được đào tạo tại TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Người |   |   | Ghi số lượng |
| đ | Số lao động được đào tạo tại cơ sở khác | Người |   |   | Ghi số lượng |
| 3.8 | Số lao động được cấp chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo | Người  |   |   | Ghi số lượng |
| a | Số chứng chỉ sơ cấp đã cấp | Chứng chỉ  |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường cao đẳng | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường trung cấp | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | Cơ sở đào tạo khác | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| b | Số chứng chỉ đào tạo đã cấp |  Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường cao đẳng | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | Trường trung cấp | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | TTGDNN, TTGDNN-GDTX | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| - | Cơ sở đào tạo khác | Chứng chỉ |   |   | Ghi số lượng |
| **4** | **Việc làm sau đào tạo** | Người |  |  | Ghi số lượng |
| 4.1 | Số lượng người lao động tiếp tục làm việc với vị trí việc làm trước khi được đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao kỹ năng nghề | Người |   |   | Ghi số lượng |
| 4.2 | Số lượng người lao động thay đổi vị trí việc làm phù hợp với phương án chuyển đổi công nghệ sản xuất, kinh doanh | Người |   |   | Ghi số lượng |
| 4.3 | Số lượng người lao động không được bố trí việc làm sau đào tạo | Người |   |   | Ghi số lượng |
| **5** | **Kinh phí thực hiện** |  |  |  |  |
| 5.1 | Số kinh phí được hỗ trợ | Tr.đồng |   |   |   |
| 5.2 | Số kinh phí đã thực hiện | Tr.đồng |  |  |  |
| 5.3 | Số kinh phí bị thu hồi | Tr.đồng |   |   |   |

**MẪU 16**

**Mẫu đề cương kiểm tra, giám sát thực hiện chính sách hỗ trợ người**

**sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề**

**để duy trì việc làm cho người lao động theo Nghị quyết 68/NQ-CP**

**và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg**

*(Ban ban hành kèm theo Quyết định số 320/QĐ-TCGDNN ngày 03/8/2021*

*của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)*

|  |  |
| --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có)**TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số /BC-.. | *(Địa danh)........, ngày tháng năm 202....* |

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng,**

**nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

**theo Nghị quyết số 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg**

Thực hiện Quyết định số…../QĐ-.... ngày / /202... của ..............về kiểm tra, giám sát việc thực hiện hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao độngtheo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg tại: (tên đơn vị/ đơn vị sử dụng lao động)……………………………

Tên cơ sở/đơn vị sử dụng lao động…………………………….báo cáo Đoàn/Tổ kiểm tra, giám sát theo Quyết định số…../QĐ-......... ngày / /202... của................... kết quả thực hiện thực hiện hiện chính sách hỗ trợ người sử dụng lao động đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao độngtheo Nghị quyết 68/NQ-CP và Quyết định số 23/2021/QĐ-TTg (từ ngày .... đến ngày …/…/202...) như sau:

**I. Thông tin chung**

Tên cơ sở/đơn vị sử dụng lao động

1. Địa chỉ:

a) Trụ sở chính:

Điện thoại: Fax: Email:

b) Cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp (nếu có)

Điện thoại: Fax: Email:

c) Họ và tên người đại diện theo pháp luật:..

2. Loại hình cơ sở/đơn vị sử dụng lao động:.....

3. Quyết định thành lập/giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp lần gần nhất.

4. Lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

5. Tổng số cán bộ, nhân viên và người lao động:….người tại thời điểm báo cáo. Trong đó: Lao động trực tiếp:.... người; lao động gián tiếp.....người.

**II. Kết quả thực hiện**

**1. Về phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động**

a) Về đóng bảo hiểm thất nghiệp theo xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội

- Số người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp:.... người. Trong đó, số người đề nghị hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề... người (chiếm...%).

- Số tháng đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp (tính từ thời điểm đề nghị hỗ trợ) được xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội....tháng.

- Số tháng đóng đủ bảo hiểm thất nghiệp đối với người lao động tham gia đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề được xác nhận của cơ quan bảo hiểm xã hội.

b) Về thay đổi cơ cấu, công nghệ

- Thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động:…. người.

- Thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh:….người .

- Thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm:…. người.

c) Về doanh thu của cơ sở/đơn vị sử dụng lao động báo cáo

- Doanh thu quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ....... triệu đồng.

- Doanh thu của quý cùng kỳ với quý liền trước thời điểm hỗ trợ (quý cùng kỳ của năm 2019 hoặc năm 2020)........ triệu đồng.

- Doanh thu quý liền kề trước thời điểm đề nghị hỗ trợ....... triệu đồng (giảm....%) so với quý cùng kỳ của năm 2019 hoặc năm 2020.

d) Về phương án hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề

- Phương án (i) cơ sở/đơn vị sử dụng lao động giao cơ sở đào tạo thuộc doanh nghiệp tổ chức đào tạo cho người lao động.

Tổng số lao động dự kiến đào tạo:….người/tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo.:….người.

- Phương án (ii) cơ sở/đơn vị sử dụng lao động liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo khác (hợp đồng liên kết đào tạo).

Tổng số lao động dự kiến đào tạo:….người/tổng số lao động được hỗ trợ đào tạo.:….người.

**2. Về ký hợp đồng liên kết đào tạo**

a) Hợp đồng liên kết đào tạo (số, ký hiệu, ngày, tháng năm ban hành của từng hợp đồng, tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo ký hợp đồng)

b) Cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo khác ký kết hợp đồng liên kết đào tạo

- Trường cao đẳng:... trường.

- Trường trung cấp:... trường.

- Trung tâm giáo dục nghề nghiệp; trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên:.... trung tâm.

- Cơ sở đào tạo khác:... cơ sở.

c) Số nghề tổ chức đào tạo cho người lao động

- Trình độ sơ cấp:....nghề. Trong đó:

+ Số nghề đào tạo đã được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp: ...nghề.

+ Số nghề đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhưng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp có báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:... nghề.

+ Số nghề đào tạo chưa được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp nhưng cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp không có báo cáo cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp:... nghề.

- Đào tạo dưới 03 tháng: ....nghề.

d) Hình thức đào tạo; phương thức đào tạo

- Về hình thức đào tạo

+ Đào tạo, bồi dưỡng tại cơ sở/đơn vị sử dụng lao động.

+ Đào tạo, bồi dưỡng tại cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo.

+ Đào tạo, bồi dưỡng kết hợp giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo và cơ sở/đơn vị sử dụng lao động.

- Về phương thức đào tạo

+ Đào tạo trực tiếp.

+ Đào tạo trực tuyến.

+ Kết hợp đào tạo trực tiếp và đào tạo trực tuyến.

đ) Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo/tài liệu do cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo liên kết đào tạo xây dựng và phê duyệt:... chương trình/tài liệu. Trong đó:

+ Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp:... chương trình.

+ Chương trình đào tạo dưới 03 tháng:... chương trình.

- Chương trình đào tạo/tài liệu do cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo liên kết đào tạo và doanh nghiệp phối hợp xây dựng và phê duyệt:... chương trình/tài liệu. Trong đó:

+ Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp:... chương trình.

+ Chương trình đào tạo dưới 03 tháng:... chương trình.

- Lựa chọn chương trình đào tạo/tài liệu do cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp khác xây dựng:... chương trình/tài liệu. Trong đó:

+ Chương trình đào tạo trình độ sơ cấp:... chương trình.

+ Chương trình đào tạo dưới 03 tháng:... chương trình.

e) Địa điểm đào tạo

- Tại địa điểm đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo: ...địa điểm.

- Tại cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của doanh nghiệp:.....địa điểm.

- Địa điểm đào tạo khác:.....địa điểm.

g) Kinh phí hỗ trợ: ... triệu đồng. Trong đó:

- Đào tạo trình độ sơ cấp:... triệu đồng.

- Đào tạo dưới 03 tháng: ... triệu đồng.

**3. Về tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động**

3.1. Về đối tượng đào tạo

Tổng số... người học (trình độ sơ cấp:.... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên). Trong đó:

a) Do thay đổi cơ cấu tổ chức, tổ chức lại lao động:….người học (trình độ sơ cấp:.... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên).

b) Do thay đổi quy trình, công nghệ, máy móc, thiết bị sản xuất, kinh doanh:….người học (trình độ sơ cấp:.... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên).

c) Do thay đổi sản phẩm, cơ cấu sản phẩm:….người học (trình độ sơ cấp:.... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên).

3.2. Về tổ chức đào tạo

a) Quy mô đào tạo

Tổng số.... người học. Trong đó:

- Số học sinh học các nghề đào tạo trình độ sơ cấp:.... học sinh.

- Số học viên học các nghề đào tạo dưới 03 tháng:.... học viên.

b) Về địa điểm đào tạo

Tổng số.....người học/....địa điểm đào tạo. Trong đó:

- Đào tạo (1): Trình độ sơ cấp: .. ..học sinh/.. lớp; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên/... lớp.

- Đào tạo (2) (địa chỉ:...): .. ..học sinh/.. lớp; đào tạo dưới 03 tháng: ...học viên/... lớp.

- Địa điểm đào tạo (n) (địa chỉ..):...

c) Quy mô lớp học lý thuyết

Tổng số.....người học/....lớp học. Trong đó:

- Số lớp học lý thuyết từ 36 người học/lớp trở lên:..../....lớp. Trong đó, trình độ sơ cấp: ../.. lớp, đào tạo dưới 03 tháng: .../... lớp.

- Số lớp học lý thuyết từ 35 người học/lớp trở xuống:...../....lớp. Trong đó, trình độ sơ cấp: ../.. lớp, đào tạo dưới 03 tháng: .../... lớp.

d) Số học người học thôi học, bỏ học

Tổng số...... /.... người học (chiếm .....%). Trong đó:

- Trình độ sơ cấp: ..../.... học sinh thôi học, bỏ học (chiếm .....%).

- Đào tạo dưới 03 tháng:..../....học viên (chiếm ...%).

đ) Kết quả kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp cho người học

Tổng số người học dự kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp:... người học (trình độ sơ cấp:....học sinh; đào tạo dưới 03 tháng:....học viên). Trong đó:

- Số người học bỏ kiểm tra, thi không đạt yêu cầu hoặc không đủ điều kiện tốt nghiệp....người học (trình độ sơ cấp: .... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ... học viên).

- Số người học được xét công nhận tốt nghiệp....người học (trình độ sơ cấp: .... học sinh; đào tạo dưới 03 tháng: ... học viên).

e) Về cấp phát chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo cho người học

- Tổng số chứng chỉ cấp phát cho người học:... cái. Trong đó:

+ Chứng chỉ sơ cấp: .... cái.

+ Chứng chỉ đào tạo: ... cái.

- Tổng số chứng chỉ đã in ấn thông tin người học nhưng chưa cấp phát cho người học.... cái. Lý do:.....

g) Về đội ngũ giáo viên/người dạy nghề

- Về số lượng

Tổng số:.....giáo viên/người dạy nghề. Trong đó, ........giáo viên cơ hữu; ....... giáo viên thỉnh giảng; .....người dạy nghề.

- Về chất lượng

+ Số giáo viên đạt chuẩn về trình độ chuyên môn.....người.

+ Số giáo viên đạt chuẩn về nghiệp vụ sư phạm:....người.

+ Số người dạy nghề có chứng chỉ kỹ năng dạy học... người.

+ Số giáo viên đạt chuẩn về kỹ năng nghề........giáo viên.

+ Số người dạy nghề có chứng chỉ kỹ năng nghề, nghệ nhân cấp tỉnh, nông dân sản xuất giỏi cấp huyện, người trực tiếp làm nghề liên tục từ 05 năm:....người.

- Về tỷ lệ học sinh/giáo viên đối với các nghề đào tạo trình độ sơ cấp:....học sinh/...giáo viên.

- Số lượng người dạy nghề/số lớp:..../...lớp.

h) Về chương trình, giáo trình đào tạo/tài liệu giảng dạy

- Đối với trình độ sơ cấp

+ Số chương trình đào tạo do đơn vị/người sử dụng lao động xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình.

+ Số chương trình đào tạo do đơn vị/người sử dụng lao động phối hợp xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình.

+ Số chương trình đào tạo do cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình.

- Đối với đào tạo dưới 03 tháng

+ Số chương trình đào tạo/tài liệu giảng dạy do đơn vị/người sử dụng lao động xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình/tài liệu giảng dạy.

+ Số chương trình đào tạo/tài liệu giảng dạy do đơn vị/người sử dụng lao động phối hợp xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình/tài liệu giảng dạy.

+ Số chương trình đào tạo/tài liệu giảng dạy do cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo xây dựng, thẩm định, ban hành:.... chương trình/tài liệu giảng dạy.

i) Về công tác giáo vụ

- Về sử dụng sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo

+ Sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ sơ cấp[[1]](#footnote-1).

+ Sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo dưới 03 tháng[[2]](#footnote-2).

- Về ghi chép sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo

+ Ghi chép sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo trình độ sơ cấp.

+ Ghi chép sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo dưới 03 tháng.

k) Về điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dụng cụ đào tạo (thống kê theo từng địa điểm đào tạo)

- Về cơ sở vật chất

+ Phòng học lý thuyết:.......phòng, diện tích.

+ Phòng/xưởng thực hành:.......phòng, diện tích.

+ Phòng thí nghiệm:....... phòng, diện tích.

+ Cơ sở sản xuất thử nghiệm: diện tích.

+ Các cơ sở khác phục vụ đào tạo: diện tích.

Diện tích bình quân ít nhất trên 01 chỗ học:..... m2/chỗ học (đào tạo trình độ sơ cấp).

- Về thiết bị, dụng cụ đào tạo

+ Số nghề có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo:... nghề.

+ Số nghề không có đủ thiết bị, dụng cụ đào tạo phải mua sắm bổ sung hoặc thuê, mượn:... nghề..

3.2. Việc làm sau đào tạo

a) Số người lao động tiếp tục làm việc với vị trí việc làm trước khi đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề..../...người được đào tạo (chiếm...%).

b) Số người lao động thay đổi vị trí làm việc phù hợp với phương án thay đổi cơ cấu, công nghệ:....../....người được đào tạo (chiếm...%).

c) Số người lao động không được bố trí việc làm sau đào tạo:....../....người được đào tạo (chiếm...%).

**4. Về sử dụng kinh phí**

a) Tổng số kinh phí được hỗ trợ... triệu đồng.

b) Số kinh phí đã được quyết toán.... triệu đồng.

c) Tổng kinh phí còn lại chưa được quyết toán: ....đồng. Lý do:…..

d) Tổng kinh phí phải hoàn trả:… đồng. Lý do:…..

đ) Tổng số kinh cần được bổ sung *(nếu có)*:… đồng.

**5. Việc thực hiện chế độ thông tin, báo cáo kết quả thực hiện NQ 68 và QĐ 23**

a) Báo cáo định kỳ.

b) Báo cáo đột xuất.

**III. Những khó khăn, vướng mắc; kiến nghị, đề xuất**

1. Về khó khăn; vướng mắc và nguyên nhân.

2. Kiến nghị, đề xuất.

*(Ghi rõ kiến nghị theo nội dung Đề cương hoặc những vấn đề chưa nêu trong Đề cương với từng cơ quan/cấp quản lý)*

***\* Lưu ý: Các doanh nghiệp báo cáo chi tiết theo Phụ lục kèm theo***

|  |  |
| --- | --- |
|   | **GIÁM ĐỐC***(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)* |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Phụ lục IVa |  |
| **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **KẾT QUẢ ĐÀO TẠO THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg**  |  |
| *(Kèm theo Báo cáo số /BC-….. ngày / / của .......)* |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo** | **Nghề đào tạo/công việc hoặc kỹ năng đào tạo/bậc kỹ năng nghề (nếu tự học, tự bồi dưỡng)** | **Thông tin chi tiết về lớp đào tạo** | **Tiến độ đào tạo** | **Ghi chú** |
| Quyết định mở lớp (số, ký hiệu, ngày tháng năm ban hành) | Ký hiệu lớp | Trình độ đào tạo (SC; <3 tháng) | Địa điểm đào tạo | Số lượng người học | Ngày khai giảng | Ngày bắt đầu đào tạo | Ngày kết thúc đào tạo | Ngày thi tốt nghiệp | Đã cấp chứng chỉ tốt nghiệp | Chưa cấp chứng chỉ tốt nghiệp |
| Số người học nhập học | Số người học thôi học, bỏ học | Số người học tốt nghiệp |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |  |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |  |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  | (\*) Mỗi lớp chỉ thống kê vào 01 dòng |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  |  | Phụ lục IVb |
| **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TỔNG HỢP HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO** **THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 23/2021/QĐ-TTg** |
| (kèm theo Báo cáo số…..../BC-….... ngày...../…./....... của...........................) |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Tên cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở đào tạo** | **Số ký hiệu hợp đồng** | **ngày, tháng năm** | **Tên nghề đào tạo/lớp đào tạo** | **Trình độ đào tạo (sơ cấp; <3 tháng)** | **Số người đào tạo** | **Địa điểm đào tạo** | **Thời gian đào tạo** | **Ngày bắt đầu** | **Ngày kết thúc** | **Trực tiếp đào tạo/liên kết đào tạo** | **Số kinh phí (tr.đồng)** |
| Tên nghề đào tạo/lớp đào tạo | Trong đó: |
| Được cấp GCNĐKHĐ | Chưa được cấp GCNĐKHĐ nhưng có báo cáo | Chưa được cấp GCNĐKHĐ nhưng không có báo cáo |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |   |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| CƠ QUAN CHỦ QUẢN (nếu có) |  |  |  |  |  |  |  |  | Phụ lục IVc |
| **TÊN ĐƠN VỊ BÁO CÁO** |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  | **THỐNG KÊ ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN VÀ NGƯỜI DẠY NGHỀ** |
|  | *(Kèm theo Báo cáo số /BC-... ngày / / của .. ......)* |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **TT** | **Nghề/Họ và tên** | Ngày tháng năm sinh | Giáo viên cơ hữu | Giáo viên thỉnh giảng | Người dạy nghề | **Năng lực chuyên môn** | **Năng lực sư phạm** | **Phân công giảng dạy** |
| Trình độ chuyên môn | Chuyên ngành đào tạo | Nghệ nhân, thợ bậc cao,.. | Có chứng chỉ nghiệp vụ sư phạm | Có chứng chỉ kỹ năng dạy học | Không có NVSP/Kỹ năng dạy học | Sơ cấp | Đào tạo dưới 3 tháng |
| **I** | **Nghề** |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  1 | Họ và tên  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
| **II** |  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  1 | Họ và tên |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|   |   |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
|  |  |   |   |   |  |   |   |   |   |   |   |   |   |   |
|   |   |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Cộng** |   |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |

1. Theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH. [↑](#footnote-ref-1)
2. Theo quy định tại Thông tư số 43/2015/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 34/2018/TT-BLĐTBXH. [↑](#footnote-ref-2)